

COMPARISON OF ADJECTIVES AND ADVERBS

(So sánh tính từ và trạng từ)

I. So sánh bằng (*Equality*)

AS + adjective / adverb + AS
not AS / SO + adjective / adverb + AS

Ex: I am **as tall as** my brother. (*Tôi cao bằng anh trai tôi.*)

He cannot run **so/ as fast as** his friends.

(*Anh ấy không chạy nhanh bằng bạn bè.*)

- **As much/ many (+ noun) as** được dùng để nói về số lượng.

Ex: I have not read **as many books as** my teacher advises me.

(*Tôi không đọc nhiều sách như thầy tôi khuyên.*)

John does not earn **as much money as** his wife does.

(*John không kiếm được nhiều tiền bằng vợ.*)

- Cấu trúc **the same (+ noun) as** cũng có thể được dùng.

Ex: Laura's salary is **the same as** mine. *or* Laura gets **the same** salary as me. (*Lương của Laura bằng lương của tôi.*)

II. So sánh hơn (*Comparative*)

1. So sánh nhiều hơn

- Thêm **-er** vào sau tính từ/ trạng từ có một âm tiết (short adjective/ adverb) và tính từ có hai âm tiết tận cùng bằng *y, et, le, er, ow*.
- Thêm **more** vào trước tính từ/ trạng từ có hai âm tiết trở lên (long adjective/ adverb), ngoại trừ các tính từ tận cùng bằng *y, et, le, er, ow*.

short adjective / adverb + ER + than
MORE + long adjective / adverb + than

Ex: Country life is **simpler than** city life.

(*Đời sống ở miền quê đơn giản hơn đời sống ở thành phố.*)

John works **harder than** his brother.

(*John làm việc chăm chỉ hơn anh trai anh ấy.*)

Gold is **more expensive than** silver. (*Vàng đắt hơn bạc.*)

Jane speaks French **more fluently than** Mary.
(Jane nói tiếng Pháp lưu loát hơn Mary.)

- Với danh từ: **more + noun + than**

Ex: I have **more books than** Peter does. (Tôi có nhiều sách hơn Peter.)

2. So sánh ít hơn

LESS + adjective + than

Ex: This picture is **less valuable than** that one.
(Bức tranh này ít giá trị hơn bức tranh kia.)

- Với danh từ: **less + noun + than**

Ex: I have **less free time than** I used to.
(Tôi có ít thời gian rảnh rỗi hơn trước đây.)

III. So sánh nhất (Superlative)

1. So sánh nhiều nhất

- Thêm **-est** vào sau tính từ/ trạng từ ngắn (short adjective/ adverb) và tính từ có hai âm tiết tận cùng bằng y, et, le, er, ow.
- Thêm **most** vào trước tính từ/ trạng từ dài (long adjective/ adverb).

the + short adjective / adverb + EST
the MOST + long adjective / adverb

Ex: Tom is **the tallest** in our class. (Tom là người cao nhất lớp tôi.)

Which watch is **the most expensive** in your shop?

(Cái đồng hồ nào đắt nhất trong cửa hàng của anh?)

- So sánh nhất được dùng khi so sánh từ ba đối tượng trở lên. Khi trong nhóm chỉ có hai đối tượng, ta thường dùng so sánh hơn.

Ex: I like Betty and Maud, but I think Maud is **the nicer** of the two.

2. So sánh ít nhất

the least + adjective

Ex: This hotel is **the least comfortable** of the three.

(Khách sạn này ít tiện nghi nhất trong ba khách sạn.)

Lưu ý

- **Much, far, a lot** được dùng để nhấn mạnh so sánh hơn.

Ex: She is **much/ far/ a lot more** intelligent than I think.

(Cô ấy thông minh hơn tôi nghĩ nhiều.)

- Trong hình thức so sánh, tính từ ngắn đứng trước tính từ dài.

Ex: My car is faster and more comfortable than hers.

(Xe hơi của tôi nhanh hơn và tiện nghi hơn xe của cô ấy.)

- **Hình thức so sánh bất quy tắc**

good / well	→	better	→	the best
bad / badly	→	worse	→	the worst
many / much	→	more	→	the most
little	→	less	→	the least
far	→	farther / further	→	the farthest / the furthest

IV. So sánh kép (*Double comparative*)

1. So sánh lũy tiến (càng ngày càng)

short adj / adv + ER + and + short adj / adv + ER
MORE / LESS and MORE / LESS + long adj / adv

Ex: The summer is coming. It gets **hotter and hotter**.

(Mùa hè đang đến. Trời càng ngày càng nóng.)

He is shooting **more and more accurately**.

(Anh ta ném bóng ngày càng chính xác.)

The environment is **less and less pure**.

(Môi trường ngày càng ít trong lành.)

2. So sánh đồng tiến (càng ... càng)

the + comparative adj / adv + the + comparative adj / adv

Ex: **The shorter** the line (is), **the faster** the service (is).

(Hàng người càng ngắn, phục vụ càng nhanh.)

The more dangerous it is, **the more** I like it.

(Việc càng nguy hiểm tôi càng thích.)

More, less có thể được dùng với danh từ trong cấu trúc này.

Ex: **The more trees** we cut, **the more floods** we suffer.

(Càng chặt nhiều cây, chúng ta càng bị nhiều lũ lụt.)

The less you work, **the less money** you earn.

(Bạn càng làm việc ít, bạn càng kiếm được ít tiền.)

MULTIPLE CHOICE

Choose a, b, c, or d that best completes the sentence.

1. New York is _____ Seattle.
a. larger than b. more large than c. as larger than d. more larger than
2. Our house is _____ yours.
a. as big than b. as bigger as c. bigger than d. more big than
3. City life is _____ country life.
a. as busier as b. busier than c. more busier than d. most busy as
4. Of the two, the round table is _____.
a. the nicest b. a nice one c. nicer d. the nicer
5. I feel _____ better than I did yesterday.
a. a little b. more c. a few d. many
6. There is nothing _____ travelling abroad.
a. more interesting than b. more interesting as
c. as interesting than d. the most interesting than
7. He finds physics _____ other science subjects.
a. far more difficult than b. much difficulter than
c. too more difficult than d. more much difficult than
8. His car is _____ mine.
a. more expensive and faster than b. faster and more expensive than
c. more faster and expensive than d. more expensive than and faster than
9. The cuisine of France is _____.
a. more famous than that of England b. famous than the cuisine of England
c. more famous than which of England d. as famous than that of England
10. Russian is a _____ language to learn than English is.
a. difficult b. more difficult
c. most difficult d. more and more difficult
11. He has _____ his sister does.
a. as friends as b. more friends as c. many friends than d. more friends than
12. There are _____.
a. twice as much computers in our office as there was
b. as twice many computers in our office as they were
c. twice as many computers in our office than there used to be
d. twice as many computers in our office as there used to be

13. Silver is not _____ gold.
 - a. as much heavy as
 - b. so heavy than
 - c. more heavier as
 - d. so heavy as
14. I think cow is _____ of all animals.
 - a. most useful
 - b. less useful
 - c. the most useful
 - d. the more useful
15. The new machines use _____ the old ones.
 - a. less water and electricity more than
 - b. less water and electricity than
 - c. less water and electricity
 - d. as less water and electricity than
16. Try to do this test. It is _____ than the others.
 - a. less difficult
 - b. less and less difficult
 - c. least difficult
 - d. more and more difficult
17. Summer is _____ season of the year.
 - a. hottest
 - b. the hottest
 - c. the hotter
 - d. the more hottest
18. It is one of _____ books I have ever had.
 - a. most useful
 - b. the most useful
 - c. the most useful than
 - d. the most useful as
19. Of all athletes, Alex is _____.
 - a. the less qualified
 - b. the less and less qualified
 - c. the more qualified
 - d. the least qualified
20. Mary was _____ of the two sisters.
 - a. the clever
 - b. as clever as
 - c. the cleverer
 - d. the cleverest
21. _____ you get to the cinema, _____ seat you have.
 - a. The sooner / the better
 - b. The soon / the good
 - c. The soonest / the best
 - d. Sooner / Better
22. The picnic was _____ I had expected.
 - a. more a hundred times fun than
 - b. a hundred times fun more than
 - c. a hundred times more fun than
 - d. more fun than a hundred times
23. _____ he drank, _____ he became.
 - a. More / more violent
 - b. The most / the most violent
 - c. The more / the more violent
 - d. The less / less violent
24. She is _____ her colleagues.
 - a. as intelligent than
 - b. so more intelligent than
 - c. few more intelligent than
 - d. a lot more intelligent than

- 124 • BÀI TẬP TRẮC NGHIỆM NGỮ PHÁP TIẾNG ANH

37. Kate is _____ her sister.
 a. more nice and intelligent than b. nicer and less intelligent as
 c. nicer and more intelligent than d. as nice and intelligent than
38. Among the students in my class, Peter is _____.
 a. most active b. the most active c. the more active d. more active
39. _____ a person wears eyeglasses, _____ on them he tends to be.
 a. Longer / more dependent b. The longest / the most dependent
 c. The longer / more dependent d. The longer / the more dependent
40. In this summer there are _____ there was last year.
 a. so few visitors as b. as few visitors as c. as few visitors than d. less few visitors as
41. We can satisfy our basic necessities _____ we could in the past.
 a. as easily than b. easilier than c. more easily than d. less easily as
42. The organizers hope to raise _____ for charity.
 a. more as £6 million b. as much £6 million as
 c. as much as £6 million d. as more as £6 million
43. It was _____ to the shops than I expected.
 a. far b. farer c. farther d. farthest
44. He was _____ interested in science.
 a. the little b. the least c. the less d. least
45. _____ planet to see in the night sky is Venus.
 a. The easy b. The easiest c. The more easy d. The easier
46. John's grades are really bad. ~ Yes, but Tim are _____.
 a. so worse b. badder c. worst d. worse
47. Which country is _____: Mexico or Costa Rica?
 a. big b. the bigger c. bigger d. the biggest
48. Wyoming has even _____ North Dakota has.
 a. more few residents than b. fewer residents than
 c. fewer residents as d. residents fewer than
49. He spent a year in India and loves spicy food. _____ the food is, _____ he likes it.
 a. The hottest / the most b. The hotter / the more
 c. Hottest / most d. Hotter / more
50. Although several methods have been applied, the water seems to be _____.
 a. more than polluted b. so as polluted
 c. more as polluted d. more and more polluted